

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2022/KDTM-ST

Ngày: 26/9/2022

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tưởng Công Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Công Trí

Bà Trần Thị Thanh Nhân

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Gia Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 34/2021/KTST ngày 20 tháng 5 năm 2021 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng.” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 363/2022/QĐXX-DS, ngày 15 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 313/2022/QĐST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn : Ngân hàng thương mại cổ phần T ; địa chỉ trụ sở chính: Số n, phố L, phường T, quận H, Thành phố H. Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh P – chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị; người đại diện hợp pháp: Bà Trần Thị Thu T, sinh năm 1986 – chức vụ: Chuyên viên chính – Phòng xử lý nợ Miền Nam. Theo giấy ủy quyền số 213/2021/GUQ-TPB.CMC ngày 27/4/2021.

Địa chỉ : Số z đường P, phường 3, quận P, Thành phố H (Có đơn xin vắng mặt)

Bị đơn: Công ty cổ phần thiết bị T; địa chỉ trụ sở chính: Số h đường N, Phường 06, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Bà Lê Mai U, sinh năm 1979; địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số a đường T (cũ là đường N), phường 11, quận T, Thành phố H (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 21/04/2021 ; bản tự khai và các lần làm việc tại Tòa án, bà Trần Thị Thu T- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 07 tháng 6 năm 2019, Công ty cổ phần thiết bị T (gọi tắt là bị đơn) đã ký kết với Ngân hàng thương mại cổ phần T (gọi tắt là nguyên đơn) hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 182/2019/HDTD/SGN/02. Căn cứ vào Hợp đồng này, ngày 12/6/2019, Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty cổ phần thiết bị T theo khế ước giải ngân và nhận nợ số 182/2019/GNN/SGN/01 với thông tin như sau:

-Số tiền giải ngân là : 799.000.000 đồng; Mục đích vay: Thanh toán tiền mua xe theo Hợp đồng mua bán xe ô tô số CT190012 ngày 06/04/2019 để phục vụ nhu cầu đi lại của Công ty.

-Thời hạn vay : 72 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên

-Dư nợ của Công ty cổ phần thiết bị T tạm tính đến ngày 22/4/2021 là : Nợ gốc : 579.726.966 đồng; Nợ lãi : 12.219.691 đồng. Tổng nợ : 591.946.657 đồng.

-Ngân hàng thương mại cổ phần T đã đồng ý cấp tín dụng cho Công ty cổ phần thiết bị T theo hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 182/2019/HĐTD/SGN/02 với biện pháp bảo đảm thế chấp tài sản là xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET, số loại TRAILBLA, dung tích 2.499, màu trắng, số khung 6MM0KH639761, số máy P2G183241143, Biển số 51H-065.19; theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 472865 do Phòng cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05/6/2019, chủ xe là Công ty cổ phần thiết bị T.

-Do việc Công ty cổ phần thiết bị T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng vì vậy Ngân hàng tiến hành thủ tục khởi kiện để thu hồi nợ và yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

1. Buộc Công ty cổ phần thiết bị T thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần T tổng số tiền (tạm tính đến ngày 22/04/2021) là: 591.946.657 đồng (*Năm trăm chín mươi một triệu, chín trăm bốn mươi sáu nghìn, sáu trăm năm mươi bảy đồng*) trong đó: nợ gốc là 579.726.966 đồng; nợ lãi là 12,219,691 đồng;

2. Buộc Công ty cổ phần thiết bị T tiếp tục thanh toán phần nợ lãi, tiền phạt phát sinh theo lãi suất quá hạn, phạt chậm trả theo thỏa thuận tại hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 182/2019/HĐTD/SGN/02 đã ký ngày 07/06/2019 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần T với Công ty cổ phần thiết bị T kể từ ngày 23/04/2021 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

3. Kể từ ngày Bản án/Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, nếu Công ty cổ phần thiết bị T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi suất phát sinh thì Ngân hàng thương mại cổ phần T có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tiến hành kê biên và phát mãi tài sản bảo đảm của khoản vay nêu trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần T, cụ thể là :

-Xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET, số loại TRAILBLA, dung tích 2.499, màu trắng, số khung 6MM0KH639761, số máy P2G183241143, Biển số 51H-065.19 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 472865 do Phòng cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05/6/2019.

4. Toàn bộ khoản tiền thu được từ việc bán, xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán khoản nợ của Công ty cổ phần thiết bị T tại Ngân hàng thương mại cổ phần T ; trường hợp khoản tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ thì Công ty cổ phần thiết bị T vẫn có nghĩa vụ trả nợ đối với khoản nợ còn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần T.

-Tại bản tự khai ngày 15/8/2022, đại diện nguyên đơn khai trong quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền 337.589.834 đồng, trong đó nợ gốc là 219.273.034 đồng và nợ lãi là 118.316.800 đồng. Từ

ngày 26/3/2021 đến nay bị đơn không thanh toán cho nguyên đơn bất kỳ một khoản nào.

Do bị đơn không thanh toán nợ gốc và lãi đúng hạn cho nguyên đơn và nguyên đơn đã nhiều lần gọi điện đôn đốc, gửi thông báo và trực tiếp xuống làm việc với bị đơn để yêu cầu thực hiện nghĩa vụ đã cam kết nhưng không nhận được sự hợp tác từ phía bị đơn .

Dư nợ tạm tính đến ngày 15/8/2022 là 707.920.833 đồng, trong đó : Nợ gốc : 579.726.966 đồng; Nợ lãi : 128.193.867 đồng. Vì vậy Nguyên đơn yêu cầu Công ty cổ phần thiết bị T thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần T tổng số tiền (tạm tính đến ngày 15/8/2022) là : 707.920.833 đồng, trong đó : Nợ gốc : 579.726.966 đồng; Nợ lãi : 128.193.867 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 16/8/2022 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

-Kể từ ngày Bản án/Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, nếu Công ty cổ phần thiết bị T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi suất phát sinh thì Ngân hàng thương mại cổ phần T có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tiến hành kê biên và phát mãi tài sản bảo đảm của khoản vay nêu trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần T , cụ thể là:

-Xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET, số loại TRAILBLA, dung tích 2499, màu trắng, số khung 6MM0KH639761, số máy P2G183241143, Biển số 51H-065.19; theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 472865 do Phòng cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05/6/2019.

-Toàn bộ khoản tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán khoản nợ của Công ty cổ phần thiết bị T tại Ngân hàng thương mại cổ phần T ; trường hợp khoản tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ thì Công ty cổ phần thiết bị T vẫn có nghĩa vụ trả nợ đối với khoản nợ còn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần T .

- Theo đơn khởi kiện ngày 27/4/2021, nguyên đơn khởi kiện bị đơn và người đại diện theo pháp luật của bị đơn là bà Lê Mai U, chức vụ Giám đốc. Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập cho bà Lê Mai U là đại diện theo pháp luật của bị đơn nhưng bà U không đến làm việc (đơn bà U gửi Tòa án ngày 30/11/2021) Ngày 01/3/2022, đại diện của nguyên đơn cung cấp thông tin việc Công ty cổ phần thiết bị T thay đổi người đại diện theo pháp luật hiện nay là bà Lê Mai U, sinh năm 1979, thường trú tại a đường N, phường 11, quận T, Thành phố H và yêu cầu Tòa án xác minh địa chỉ của bà U để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/3/2022, Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú của bà Lê Mai U tại địa chỉ số a đường N, phường 11, quận T, Thành phố H. Công an phường 11, quận T trả lời xác minh: “Bà Lê Mai U, sinh năm 1979, có hộ khẩu thường trú tại số a đường N(nay là số a đường T) , phường 11, quận T, Thành phố H và hiện cư ngụ tại đại chỉ số p đường O, phường 6, quận Gò Vấp từ khoảng năm 2020”

Ngày 25/4/2022 Tòa án tiến hành xác minh theo quyết định số 343/2022/QĐ-CCTLCC về địa chỉ của bà Lê Mai U tại số p đường O được biết :” Tại địa chỉ số p đường O(số mới là số t đường D) hiện không có ai tên Lê Mai U, sinh năm 1979 đăng ký thường

trú, tạm trú và thực tế cư trú . Bà Lê Mai U đã chuyển hộ khẩu thường trú khỏi địa phương từ năm 2009 và chuyển đến số a đường T, phường 11, quận T, Thành phố H.”

-Ngày 17/6/2021 Tòa án tiến hành xác minh về Công ty cổ phần thiết bị T tại ủy ban nhân dân phường 6, quận Gò Vấp được biết : “ Qua xác minh thực tế tại địa chỉ số t đường D , phường 6, quận Gò Vấp, không thấy Công ty cổ phần thiết bị T treo bảng hiệu kinh doanh.”

- Ngày 12/01/2022 Tòa án yêu cầu nguyên đơn cung cấp chứng cứ địa chỉ, nơi hoạt động mới hiện nay của Công ty cổ phần thiết bị T và ngày 19/5/2022, đại diện nguyên đơn cho biết Công ty cổ phần thiết bị T theo giấy phép kinh doanh của Sở kế hoạch đầu tư Thành phố H thì Công ty vẫn hoạt động và chưa đăng ký giải thể tại địa chỉ số t đường D, phường 6, quận Gò Vấp . Đại diện nguyên đơn yêu cầu Tòa án tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng tại địa chỉ trụ sở của Công ty cổ phần thiết bị T là số số t đường D, phường 6, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh và tại địa chỉ thường trú của bà Lê Mai U -người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần thiết bị T là địa chỉ số a đường T (cũ là đường N) phường 11, quận T để đưa vụ án ra xét xử .

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn không đến vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được mặc dù Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn hợp lệ theo quy định pháp luật. Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay:

* Bà Trần Thị Thu T là đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tuy nhiên bà vẫn giữ yêu cầu buộc bị đơn - Công ty cổ phần thiết bị T thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần T tổng số tiền (tạm tính đến ngày 15/8/2022) là : 707.920.833 đồng, trong đó : Nợ gốc : 579.726.966 đồng; Nợ lãi : 128.193.867 đồng

-Buộc Công ty cổ phần thiết bị T tiếp tục thanh toán phần nợ lãi, tiền phạt phát sinh theo lãi suất quá hạn, phạt chậm trả theo thỏa thuận tại hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 182/2019/HDTD/SGN/02 đã ký ngày 07/05/2019 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần T với Công ty cổ phần thiết bị T kể từ ngày 16/8/2022 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

-Kể từ ngày Bản án/Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, nếu Công ty cổ phần thiết bị T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi suất phát sinh thì Ngân hàng thương mại cổ phần T có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tiến hành kê biên và phát mãi tài sản bảo đảm của khoản vay nêu trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần T , cụ thể là :

-Xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET, số loại TRAILBLA, dung tích 2499, màu trắng, số khung 6MM0KH639761, số máy LP2G183241143, Biển số 51H-065.19; theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 472865 do Phòng cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05/6/2019.

-Toàn bộ khoản tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán khoản nợ của Công ty cổ phần thiết bị T tại Ngân hàng thương mại cổ phần T ; trường hợp khoản tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được

không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ thì Công ty cổ phần thiết bị T vẫn có nghĩa vụ trả nợ đối với khoản nợ còn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần T

Bà Lê Mai U là đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần thiết bị T là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:

- Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án về thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng như thời hạn gửi các văn bản tố tụng, hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 về phiên tòa sơ thẩm.

Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng:

Từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi xét xử thấy rằng Thẩm phán đã thực hiện đúng và đầy đủ nội dung quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án về thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải. Thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử : Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung : Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đương sự phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết :

- Về quan hệ pháp luật : Ngày 07 tháng 6 năm 2019, Công ty cổ phần thiết bị T đã ký kết với Ngân hàng thương mại cổ phần T hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 182/2019/HDTD/SGN/02. Căn cứ vào Hợp đồng này, ngày 12/6/2019, Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty cổ phần thiết bị T theo khế ước giải ngân và nhận nợ số 182/2019/GNN/SGN/01 với số tiền giải ngân là

799.000.000 đồng; Mục đích vay : Thanh toán tiền mua xe theo Hợp đồng mua bán xe ô tô số CT190012 ngày 06/04/2019 để phục vụ nhu cầu đi lại của Công ty; Thời hạn vay : 72 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên. Việc nguyên đơn và bị đơn đều có đăng ký kinh doanh và có mục đích lợi nhuận do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định đây là vụ án là vụ án kinh doanh thương mại và quan hệ tranh chấp là “ Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án : Bị đơn có trụ sở tại số 1 đường D, Phường 6, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, đây là vụ án kinh doanh thương mại về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng ” thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

-Về thủ tục tố tụng :

Nguyên đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và có đơn xin vắng mặt tại phiên Tòa. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2.]Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

-Về nợ gốc:

+ Xét về hình thức và nội dung hợp đồng đã ký giữa Ngân hàng thương mại cổ phần T với Công ty cổ phần thiết bị T xuất phát từ sự tự nguyện không trái pháp luật nên hợp đồng đã phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên từ thời điểm ký kết.

Căn cứ vào hợp đồng tín dụng số 182/2019/HDTD/SGN/02 ngày 07/6/2019 được ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần T và Công ty cổ phần thiết bị T cho thấy việc giao kết hợp đồng tín dụng giữa các bên là có thật. Nội dung các bên thỏa thuận xuất phát từ sự tự nguyện không trái với các quy định của pháp luật, phù hợp với quy định tại điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

Theo quy định tại khoản 2 điều 95 Luật tổ chức tín dụng quy định: “ Trong trường hợp khách hàng không trả nợ đến hạn thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ theo hợp đồng tín dụng” và tại khoản 1 Điều 466 Luật dân sự năm 2015 quy định “ Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn”. Căn cứ khế ước nhận nợ ngày 12/6/2019 thì bị đơn đã nhận nợ số tiền gốc là 799.000.000 đồng. Trong quá trình sử dụng tiền vay là 799.000.000 đồng bị đơn mới chỉ thanh toán cho Ngân hàng tiền nợ gốc là 219.273.034 đồng. Từ ngày 26/3/2021 đến nay bị đơn không thanh toán cho nguyên đơn bất kỳ một khoản nào. Tính đến ngày 15/8/2022, bị đơn còn nợ nguyên đơn 579.726.966 đồng tiền nợ gốc chưa thanh toán. Vì vậy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 579.726.966 đồng.

Về nợ lãi :

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 17/6/2010 quy định "... Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật".

Căn cứ tại Thông tư 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 hướng dẫn Tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận.

Căn cứ hợp đồng tín dụng số 182/2019/HDTD/SGN/02 ngày 07/6/2019 để vay số tiền 799.000.000 đồng, lãi suất 9,3%/ năm áp dụng từ ngày nhận nợ cho đến ngày 12/6/2020, lãi suất áp dụng cho thời gian tiếp theo được điều chỉnh 03 tháng 1 lần và bằng lãi suất cơ sở dài hạn của Ngân hàng T kỳ hạn 03 tháng áp dụng cho khách hàng doanh nghiệp tại thời điểm điều chỉnh công biên độ 5%/, lãi suất quá hạn 150% lãi suất cho vay, thời hạn vay 72 tháng tính từ ngày 08/6/2019, mục đích vay thanh toán tiền mua xe ô tô, hình thức thế chấp, có tài sản thế chấp bảo đảm.

Căn cứ khế ước nhận nợ ngày 12/6/2019 thì bị đơn đã nhận nợ số tiền gốc là 799.000.000 đồng

Căn cứ Điều 465 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 về quyền và nghĩa vụ của bên vay và bên cho vay thì nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả vốn và lãi theo hợp đồng là phù hợp. Mức lãi suất là 9,3 % năm và lãi suất quá hạn được tính bằng 150% của lãi suất trong hạn là phù hợp với Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ bảng chiết tính lãi vay tạm tính đến ngày 15/8/2022 thì bị đơn mới thanh toán cho nguyên đơn số tiền lãi là 118.316.800 đồng hiện bị đơn còn thiếu của nguyên đơn 128.193.867 đồng đồng tiền lãi, tạm tính đến ngày 15/8/2022. Căn cứ tại điểm b, c khoản 4.4 Điều 4 Thỏa thuận chung về cấp và sử dụng tín dụng tại Ngân hàng T ngày 07/6/2019 về lãi suất cho vay và phương thức tính lãi và điều chỉnh lãi suất Hội đồng xét xử nhận thấy việc thỏa thuận lãi suất giữa hai bên đã được ký kết là phù hợp với quy định của pháp luật. Theo đó bị đơn chưa trả cho nguyên đơn số tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn là nợ lãi là 128.193.867 đồng do đó Hội đồng xét xử buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền lãi là 128.193.867 đồng tạm tính đến ngày 15/8/2022 là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy, Hội đồng xét xử buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 15/8/2022 là : 707.920.833 (*Bảy trăm lẻ bảy triệu chín trăm hai mươi ngàn tám trăm ba mươi ba đồng*) trong đó: Nợ gốc : 579.726.966 đồng; Nợ lãi : 128.193.867 đồng và bị đơn tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh trên số nợ gốc kể từ ngày 16/8/2022 cho đến khi thanh toán xong theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng cho vay kiêm thế chấp số 182/2019/HDTD/SGN/02 ngày 07/6/2019 và thỏa thuận chung về cung cấp và sử dụng tín dụng tại Ngân hàng thương mại cổ phần T ngày 07/6/2019 mà các bên đã ký kết.

Xét việc nguyên đơn yêu cầu trả số tiền trên làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy số tiền trên bị đơn nợ nguyên đơn đã lâu đến nay chưa trả là gây thiệt hại rất nhiều cho nguyên đơn. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán số tiền

trên một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về tài sản thế chấp: Căn cứ hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 182/2019/HDTD/SGN/02 ngày 07/6/2019 thì bị đơn có thế chấp cho nguyên đơn 01 xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET, số loại TRAILBLA, dung tích 2.499, màu trắng, số khung 6MM0KH639761, số máy P2G183241143, Biển số 51H-065.19; theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 472865 do Phòng cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05/6/2019 và được Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận đã đăng ký ngày 07/6/2019.

- Xét việc nguyên đơn và bị đơn ký kết hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp trong cùng 01 hợp đồng số 182/2019/HDTD/SGN/02 ngày 07/6/2019 và hợp đồng này các bên tự thỏa thuận không công chứng, chứng thực và có đăng ký giao dịch tài sản bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 07/6/2019. Căn cứ Điều 3; Điều 12 của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 được sửa đổi năm 2012 về đăng ký giao dịch bảo đảm và căn cứ Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 thì hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên nên việc nguyên và bị đơn tự nguyện thỏa thuận và không trái quy định của pháp luật. Do việc các bên giao kết hợp đồng tín dụng kiêm thế chấp là phù hợp với quy định của pháp luật vì vậy hợp đồng ngày 07/6/2019 có hiệu lực pháp luật và các bên phải tuân thủ nhưng thỏa thuận trong hợp đồng.

- Căn cứ Điều 465; Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về quyền và nghĩa vụ của bên cho vay và bên vay và căn cứ khoản 7 Điều 323 Bộ luật dân sự năm 2015 thì Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nếu bị đơn không trả nợ hoặc trả nợ không đủ thì nguyên đơn có quyền xử lý tài sản thế chấp được quy định tại Điều 299 Bộ luật dân sự năm 2015 thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản là xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET, số loại TRAILBLA, dung tích 2.499, màu trắng, số khung 6MM0KH639761, số máy P2G183241143, Biển số 51H-065.19; theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 472865 do Phòng cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05/6/2019, đứng tên Công ty cổ phần thiết bị T để thu hồi nợ.

- Toàn bộ khoản tiền thu được từ việc bán, xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán khoản nợ của Công ty cổ phần thiết bị T tại Ngân hàng thương mại cổ phần T ; trường hợp khoản tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ thì Công ty cổ phần thiết bị T vẫn có nghĩa vụ trả nợ đối với khoản nợ còn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần T .

-Sau khi bị đơn thanh toán cho Ngân hàng xong khoản tiền vay theo hợp đồng thì căn cứ Điều 327 Bộ luật dân sự năm 2015 thì việc chấm dứt tài sản thế chấp khi nghĩa vụ được bảo đảm bằng tài sản, Ngân hàng phải trả lại cho bị đơn bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 472865 do Phòng cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05/6/2019, đứng tên Công ty cổ phần thiết bị T

Về án phí:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ nộp án phí và Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 13.838.933 đồng tiền tạm nộp án phí cho nguyên đơn theo biên lai thu số 0028547 ngày 20/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp .

Bị đơn phải chịu án phí tương đương với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận là 707.920.833 đồng. Do đó bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 32.316.825 đồng.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 5, khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 220; Điều 227, Điều 228; Điều 235, Điều 271, Điều 273, Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 299, khoản 7 Điều 323; Điều 463, Điều 465; Điều 466; Điều 468; Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 17/6/2010;

- Căn cứ Thông tư 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Điều 3; Điều 12 của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 được sửa đổi năm 2012 về đăng ký giao dịch bảo đảm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

-Buộc Công ty cổ phần thiết bị T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần T số tiền 707.920.833 (*Bảy trăm lẻ bảy triệu chín trăm hai mươi ngàn tám trăm ba mươi ba đồng*) tạm tính đến ngày 15/8/2022 (trong đó nợ gốc là : 579.726.966 đồng; Nợ lãi : 128.193.867 đồng). Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

-Công ty cổ phần thiết bị T còn phải chịu thêm tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc kể từ ngày 16 tháng 8 năm 2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất thỏa thuận được quy định trong hợp đồng số 182/2019/HDTD/SGN/02 ngày 07/6/2019 và thỏa thuận chung về cung cấp và sử dụng tín dụng tại Ngân hàng thương mại cổ phần T ngày 07/6/2019 mà các bên đã ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần T với Công ty cổ phần thiết bị T.

- Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật nếu Công ty cổ phần thiết bị T không trả nợ hoặc trả nợ không đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ trên thì Ngân hàng thương mại cổ phần T có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền tiến hành kê biên phát mãi tài sản thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET, số loại

TRAILBLA, dung tích 2.499, màu trắng, số khung 6MM0KH639761, số máy P2G183241143, Biển số 51H-065.19; theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 472865 do Phòng cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05/6/2019, đứng tên Công ty cổ phần thiết bị T.

- Toàn bộ khoản tiền thu được từ việc bán, xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán khoản nợ của Công ty cổ phần thiết bị T tại Ngân hàng thương mại cổ phần T ; trường hợp khoản tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ thì Công ty cổ phần thiết bị T vẫn có nghĩa vụ trả nợ đối với khoản nợ còn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần T.

-Sau khi Công ty cổ phần thiết bị T thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần T xong khoản tiền vay theo hợp đồng tín dụng số 182/2019/HDTD/SGN/02 ngày 07/6/2019, thì Ngân hàng thương mại cổ phần T phải trả lại cho Công ty cổ phần thiết bị T bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 472865 do Phòng cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05/6/2019, đứng tên Công ty cổ phần thiết bị T.

Việc giao nhận tiền được thực hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty cổ phần thiết bị T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 32.316.825 đồng (*Ba mươi hai triệu ba trăm mười sáu ngàn tám trăm hai mươi lăm*) đồng.

-Hoàn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần T số tiền 13.838.933 (*Mười ba triệu tám trăm ba mươi tám ngàn chín trăm ba mươi ba đồng*) là tiền tạm nộp án phí cho theo biên lai thu số 0028547 ngày 20/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp .

3.Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận :

- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THA quận Gò Vấp;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)